

Bản án số: 17/2022/HS-ST  
Ngày 13-4-2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Bích Diệp

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Quang Vinh

Ông Đào Đình Bình.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Đức Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

**- Đ diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Tiến Ninh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm C khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 14/2022/TLST-HS ngày 14 tháng 3 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2022/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 3 năm 2022 đối với bị cáo:

**Lưu Thị Hồng P**, sinh ngày 22 tháng 7 năm 1995 tại Hải Phòng. Nơi đăng ký thường trú: Số 204/239 L, phường L, quận N, thành phố Hải Phòng; chỗ ở: Số 5/2/47 P, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu Phú H và bà Vũ Thị Tuyết T; bị cáo chưa có chồng và có ba con; tiền án: Tại Bản án số 112/2021/HS-ST ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận N, thành phố Hải Phòng xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06 tháng 9 năm 2021. Có mặt.

**- Bị hại:** Anh Nguyễn Văn T; sinh năm 1987; nơi cư trú: Số 29C H, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1987; nơi cư trú: Số 29C H, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

- *Người làm chứng:* Anh Đỗ Anh T. Có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 16 tháng 02 năm 2021, anh Nguyễn Văn T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda SH biển kiểm soát 15B3-826.37 đến nhà trọ của Lưu Thị Hồng P tại số D6/3/543 đường Đ, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng để mua đồ âm ly. Khi anh T đến thì trong nhà có P cùng anh Đỗ Anh T (là người chung sống với P như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn) và Nguyễn Minh C - là bạn của P; sau khi anh T đến thì C đi về. Theo lời khai của Lưu Thị Hồng P, sau khi về, C dùng số điện thoại 0973.697.505 nhắn tin qua zalo đến số điện thoại 0904.391.036 cho P với nội dung “*Mày muốn có tiền thì mượn xe SH đi ra Co.op mart gặp tao*”, P hiểu ý là mượn xe mô tô của anh T để cầm cố. Do có quen biết với anh T và có nhu cầu chi tiêu cá nhân nên P lấy lý do đi trả tiền mẹ để mượn xe của anh T. Anh T đồng ý cho P mượn xe mô tô và giao chìa khóa xe cho P. Sau khi mượn được xe của anh T, P đi thẳng đến quán nước trên vỉa hè Co.op mart thuộc khu vực ngã 5 đường L gặp C. Tại đây P nói với C muốn cầm cố chiếc xe, C đồng ý rồi điều khiển xe chở P đến địa chỉ số 110 A, phường C, quận H, thành phố Hải Phòng gặp Đỗ Triệu Việt H. Khi gặp H, P nói muốn cầm cố chiếc xe trên, H cho số điện thoại của Nguyễn Kim H1 để C liên hệ rồi cả ba đi sang khu vực chợ L, quận K, thành phố Hải Phòng. Tại đây P đưa giấy tờ xe và nói với H1 chiếc xe là của chị P, chị P nhờ cầm cố. H1 xem xét xe, giấy tờ và đồng ý cầm cố xe với số tiền 30.000.000 đồng với lãi suất 10.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, thời hạn cầm cố 10 ngày, H1 đưa cho C 6.000.000 đồng tiền mặt. Do không đủ số tiền còn lại nên H1 đi chiếc xe trên đến hiệu cầm đồ A tại địa chỉ số 582 T, quận K, thành phố Hải Phòng do Trần Công Đ làm chủ để cầm cố xe lấy 25.000.000 đồng. Sau khi có tiền từ chỗ Đ, H1 chuyển khoản cho C số tiền 21.000.000 đồng, còn 3.000.000 đồng H1 trừ vào tiền lãi 10 ngày. Tổng số tiền cầm cố chiếc xe mà P, C và H nhận từ chỗ H1 trả là 27.000.000 đồng. Đến tối cùng ngày, không thấy P mang xe về trả, anh T đã làm đơn trình báo đến Công an phường Đông Hải 2.

Ngày 20 tháng 6 năm 2021, chị Nguyễn Thị H3 là vợ của anh T đến hiệu cầm đồ A chuộc chiếc xe mô tô trên và giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hải An.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 04/KL-HĐĐGTS ngày 02 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận Hải An kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH biển kiểm soát 15B3-826.37 có giá trị là 78.000.000 đồng.

Theo cung cấp của Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội tại Công văn số 153/CNVTQĐ-TTKT ngày 26 tháng 01 năm 2022: Số điện thoại 0973.697.505 là thuê bao trả trước được đăng ký thông tin chủ thuê bao là Nguyễn Minh C; tại thời điểm kiểm tra (ngày 13 tháng 12 năm 2021) không còn lưu chi tiết cuộc gọi đi, đến, nội dung tin nhắn đi, đến trong thời gian từ ngày 16 tháng 02 năm 2021 đến ngày 17 tháng 02 năm 2021. Tin nhắn Zalo không thuộc quyền quản lý của Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội.

Theo cung cấp của Công ty Dịch vụ MobiFone khu vực 5 tại Công văn số 244/MOBIFONE5-TH ngày 01 tháng 3 năm 2022: Số điện thoại 0904.391.036 là thuê bao trả trước được đăng ký thông tin chủ thuê bao là Đặng Trường G; các thông tin liên lạc qua ứng dụng Zalo từ ngày 16 tháng 02 năm 2021 đến ngày 17 tháng 02 năm 2021, do đây là ứng dụng nước ngoài, Công ty Dịch vụ MobiFone khu vực không quản lý nên không có thông tin.

Theo lời khai của anh Đặng Trường G: Anh G không đăng ký hay sử dụng số điện thoại 0904.391.036.

Theo lời khai của Lưu Thị Hồng P: Sau khi rút tiền từ tài khoản, C đưa cho P 9.000.000 đồng, P đã chi tiêu cá nhân hết 6.000.000 đồng, trong đó mua một chiếc điện thoại của H hết 1.000.000 đồng. P đã nộp lại số tiền 3.000.000 đồng và một chiếc điện thoại cho Cơ quan Công an.

Theo lời khai của Nguyễn Minh C: Khi gặp C, P nói chiếc xe trên là của chị P nhờ cầm cố. Sau khi có tiền từ việc cầm cố chiếc xe, C đưa cho P 10.000.000 đồng, C vay P 8.000.000 đồng, H vay P 8.000.000 đồng, số tiền còn lại trả tiền taxi và uống nước.

Theo lời khai của Đỗ Triệu Việt H: Khi P và C gặp H, P có nói chiếc xe trên là của chị P nhờ cầm cố. Sau khi cầm cố xe, C đưa cho P 10.000.000 đồng, C vay của P 9.000.000 đồng, P đưa cho H 2.000.000 đồng tiền đặt cọc nhà và 4.500.000 đồng để H chuộc tài sản. P mua của H một chiếc điện thoại hết 700.000 đồng.

Theo lời khai của anh Nguyễn Văn T: Số tiền vợ chồng anh bỏ ra để chuộc chiếc xe trên là 35.500.000 đồng.

Ngày 03 tháng 8 năm 2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả xe mô tô nhãn hiệu Honda SH biển kiểm soát 15B3-826.37 và bản sao chứng nhận đăng ký xe cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Nguyễn Thị H3.

Bản cáo trạng số 18/CT-VKS-QHA ngày 10 tháng 3 năm 2022 của Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo Lưu Thị Hồng

P về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

*Tại phiên tòa, Đ diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An giữ quyền C tố luận tội:*

Giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Lưu Thị Hồng P về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Về hình phạt: Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo từ 36 tháng đến 42 tháng tù. Đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Về bồi thường thiệt hại: Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị H3 số tiền 35.500.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Tạm giữ số tiền 3.000.000 đồng và một điện thoại di động do bị cáo giao nộp để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, lúc đầu bị cáo Lưu Thị Hồng P khai báo quanh co về hành vi của mình và cho rằng bị cáo không có ý thức chiếm đoạt tài sản của anh T, việc cầm cố xe mô tô của anh T là do Nguyễn Minh C và Đỗ Triệu Việt H khởi xướng. Sau đó bị cáo thay đổi lời khai, thừa nhận hành vi của mình là sai, là vi phạm pháp luật. Bị cáo nhất trí với Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An và luận tội của Kiểm sát viên, không có ý kiến tranh luận; bị cáo đồng ý bồi thường cho anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị H3 số tiền 35.500.000 đồng. Trong lời nói sau cùng, bị cáo gửi lời xin lỗi đến bị hại và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, xử phạt bị cáo mức hình phạt nhẹ nhất để bị cáo sớm được trở về với các con.

Tại phiên tòa, bị hại là anh Nguyễn Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là chị Nguyễn Thị H3 nhất trí với bản luận tội của Kiểm sát viên, không có ý kiến tranh luận. Anh T và chị H3 yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền là 35.500.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hải An, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị

cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo: Lời khai nhận của bị cáo Lưu Thị Hồng P tại Cơ quan Cảnh sát điều tra và tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Do cần tiền để tiêu xài cá nhân, bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối nhằm tạo lòng tin để anh T giao xe mô tô nhãn hiệu Honda SH biển kiểm soát 15B3-826.37 cho bị cáo. Ngay sau khi nhận được xe, bị cáo đã đem cầm cố với số tiền 27.000.000 đồng. Tại thời điểm thực hiện hành vi nêu trên, bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức rõ việc dùng thủ đoạn gian dối để anh T tin tưởng, giao xe cho bị cáo, sau đó chiếm đoạt chiếc xe trên của anh T là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi, hậu quả gây thiệt hại về tài sản cho anh T với số tiền theo kết luận định giá là 78.000.000 đồng. Vì vậy, bị cáo đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của người khác trái pháp luật. Vì vậy, cần được xử lý nghiêm nhằm mục đích giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tại Bản án số 112/2021/HS-ST ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận N, thành phố Hải Phòng xử phạt bị cáo 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tuy nhiên, thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nêu trên (ngày 08 tháng 3 năm 2021) diễn ra sau khi bị cáo thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh Nguyễn Văn T (ngày 16 tháng 02 năm 2021) nên bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng “tái phạm”.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo. Vì vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[6] Về hình phạt chính: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng và có một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Nhân thân bị cáo có một tiền án cũng về tội xâm phạm sở hữu, thể hiện bị cáo không có ý thức sửa chữa lỗi lầm, coi thường pháp luật. Vì vậy, cần xử bị cáo trên mức khởi điểm của khung hình phạt, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ sức răn đe.

[7] Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh Nguyễn Văn T là tội phạm được bị cáo thực hiện trước khi Tòa án nhân dân quận N, thành phố Hải Phòng cho bị cáo hưởng án treo. Vì vậy, theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số

02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử không tổng hợp hình phạt với bản án đã cho bị cáo hưởng án treo.

[8] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì “*người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng*”. Tuy nhiên, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện, bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Về bồi thường thiệt hại: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị H3 yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 35.500.000 đồng - là số tiền mà anh T và chị H3 đã bỏ ra để chuộc chiếc xe từ cửa hàng cầm đồ. Xét, đây là chi phí hợp lý để khắc phục thiệt hại và bị cáo cũng đồng ý bồi thường cho anh T và chị H3 số tiền này nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về xử lý vật chứng: Số tiền 3.000.000 đồng và một chiếc điện thoại di động mà bị cáo giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hải An là tài sản do bị cáo cầm cố chiếc xe mà có. Bị cáo đã gây thiệt hại cho anh T và chị H3 số tiền là 35.500.000 đồng và tính đến thời điểm hiện tại, bị cáo chưa thực hiện việc bồi thường cho anh T và chị H3. Vì vậy, cần tạm giữ các tài sản trên để đảm bảo thi hành án theo nguyên tắc thiệt hại thực tế phải được bồi thường toàn bộ và kịp thời quy định tại khoản 1 Điều 585 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[11] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] Đối với Nguyễn Minh C và Đỗ Triệu Việt H: Sau khi lấy lời khai vào ngày 21 tháng 02 năm 2021, các đối tượng trên đã đi khỏi địa P; Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hải An đã ra thông báo truy tìm nhưng đến nay chưa có kết quả. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hải An sẽ tiếp tục điều tra, làm rõ, xử lý theo quy định của pháp luật. Về trách nhiệm dân sự của Nguyễn Minh C và Đỗ Triệu Việt H, nếu có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[13] Đối với Nguyễn Kim H1 và Trần Công Đ, khi cầm cố xe không biết là xe do phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hải An không xử lý. Công an quận Hải An đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với H1 và Đ về hành vi cầm cố xe không có giấy tờ sở hữu.

[14] Đối với Nguyễn Kim H1 đã có hành vi cầm cố xe với lãi suất 3.000.000 đồng/10 ngày, tuy nhiên khoản thu lợi bất chính dưới 30.000.000 đồng, không cấu thành tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hải An không xử lý.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Lưu Thị Hồng P 03 (ba) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

2. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo Lưu Thị Hồng P.

3. Về bồi thường thiệt hại: Căn cứ vào các điều 357, 468, 584, 585, 586 và 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015: Bị cáo Lưu Thị Hồng P phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị H3 số tiền 35.500.000 đồng (ba mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại các điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về xử lý vật chứng: Tạm giữ số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0002763 ngày 11 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An, thành phố Hải Phòng và một điện thoại di động COOLPAD N5 mini màu đen, đã qua sử dụng, bên trong có sim điện thoại số 0906.087.148 (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 11 tháng 3 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An) để đảm bảo thi hành án.

5. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các điểm a, c khoản 1 Điều 23 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Lưu Thị Hồng P phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.775.000 đồng (một triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự:  
Bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Dương sự;
- VKSND quận Hải An;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- CQCSĐT - C an quận Hải An;
- CQTHAHS - C an quận Hải An;
- PV06 - C an thành phố Hải Phòng;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận Hải An;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Thị Bích Diệp**